

Bản án số: 388/2020/HC-PT

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

V/v “Khiếu kiện quyết định hành  
chính”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Ngọc Huynh

**Các Thẩm phán:** Ông Lê Thành Long

Bà Huỳnh Thanh Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 407/2019/TLPT-HC ngày 27 tháng 6 năm 2019 về “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 743/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M (Công ty M).

Địa chỉ: Số 952, Quốc Lộ 1, Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**Đại diện theo pháp luật:** Ông Lưu Quốc V – Tổng giám đốc (có mặt).

**Đại diện theo ủy quyền của Công ty:** Bà Hoàng Nữ Thục A, sinh năm 1977 (có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:** Luật sư Nguyễn Mạnh H, Công ty luật hợp danh S - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân tỉnh C.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Tiến H1 – Chủ tịch UBND tỉnh C (vắng mặt).

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Lê Văn S - Phó chủ tịch UBND tỉnh C (có mặt).

Địa chỉ: Số 2, Đường H, Phường 5, thành phố C1, tỉnh C.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Phan Văn B – Giám đốc.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1996 - Cán bộ pháp chế (có mặt).

Địa chỉ: Số 20B, Đường Tr, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- **Người kháng cáo:** Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Người khởi kiện - Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M do người đại diện trình bày:**

Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M (sau đây gọi tắt là Công ty M) được sự thống nhất của UBND tỉnh C cho thuê phần đất: Diện tích là 1.380.218,4m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ để quản lý, sử dụng vào mục đích: Sản xuất giống và nuôi tôm công nghiệp. Thời hạn thuê đất là 35 năm, kể từ ngày 21/05/2007 đến ngày 21/5/2042. Công ty đã triển khai đầu tư nuôi trồng thủy sản tại khu vực trên với tổng số tiền đầu tư vào năm 2007 khoảng trên 62 tỷ đồng (trong đó có vay vốn Ngân hàng N –Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng 15 tỷ đồng tiền gốc).

Sau khi đầu tư nuôi tôm kỹ thuật cao đến năm 2013 thì Công ty M không còn khả năng tài chính để tiếp tục nuôi tôm do tình hình dịch bệnh, giá tôm bấp bênh, giá thức ăn tăng cao...dẫn đến tình trạng công ty M thua lỗ trầm trọng, không còn khả năng duy trì dự án nuôi tôm. Vì vậy, dẫn đến việc các Sở ngành cũng như UBND tỉnh ra quyết định thu hồi dự án trên và giao cho Công ty khác. Sau nhiều cuộc họp bàn bạc, Công ty M yêu cầu được đền bù phần tài sản đã được đầu tư trên đất thì cuối cùng Bộ tài chính gửi công văn số 6628/BTC-QLCS về việc xử lý giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi và Bộ Tài nguyên – Môi trường cũng ra Công văn số 4198/BTNMT-TCQLDD trong đó nêu rõ: Theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 3 Thông tư số 80/2017/TT-BTC ngày 02/08/2017 của Bộ Tài chính thì giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được hoàn trả cho chủ sở hữu tài sản bao gồm giá trị còn lại của nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, cây trồng, vật nuôi đã tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật mà không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước được xác định tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất. Do đó, ao nuôi tôm, bờ bao, đê bao mà Công ty M đã đầu tư để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nghiên cứu sản xuất giống thủy sản được xác định là công trình xây dựng để

thực hiện hoàn trả phải căn cứ vào dự án đầu tư đã được duyệt hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy phép xây dựng của cấp có thẩm quyền hoặc quy định cụ thể tại địa phương. Ngay sau đó, UBND tỉnh C đã ra quyết định 1892/QĐ-UBND, nội dung: Phê duyệt giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất thu hồi của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M - Sóc Trăng, tại ấp L, xã T, huyện Đ là 814.232.796 đồng, trong đó gồm:

1. Các hạng mục nhà làm việc, nhà xưởng, nhà ăn: 165.900.649 đồng, gồm:

- Nhà làm việc 1, diện tích 158,11m<sup>2</sup>, cấp nhà NX-01.04 ;
- Nhà làm việc 2, diện tích 99,12m<sup>2</sup>, cấp nhà NX-01.06 ;
- Nhà ăn, diện tích 49,82m<sup>2</sup>, cấp nhà NX-01.06;
- Nhà vệ sinh 1, diện tích 8,6m<sup>2</sup>, cấp nhà VS-01.01;
- Nhà vệ sinh 2, diện tích 5,48m<sup>2</sup>, cấp nhà VS-01.01;

2. Các hạng mục lưới điện (trụ, dây, trạm biến áp, ...): 86.733.000 đồng, gồm:

- Trạm biến thế: 01 trạm 3 pha 250KV;
- Trụ điện: 45 trụ (trong đó: 05 trụ BTLT 10.5m - F520 và 40 trụ BTLT 12m - F720);

3. Công trình xây dựng (ao nuôi tôm, đê bao): 561.599.147 đồng, gồm:

- Ao nuôi tôm công nghiệp: tổng diện tích 703.091m<sup>2</sup>;
- Ao lắng: 14 ao, tổng diện tích 81.765m<sup>2</sup>;
- Ao thoát, xả nước: 14 ao, tổng diện tích 146.360m<sup>2</sup>;
- Ao cấp nước: 02 ao, tổng diện tích 54.370m<sup>2</sup>;
- Ao xử lý nước: 134 ao, tổng diện tích 44.000m<sup>2</sup>;
- Hệ thống bờ bao, đê bao: Tổng diện tích 355.414m<sup>2</sup>.

Tại cuộc họp ngày 19/11/2018, đại diện Công ty M cũng như Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng không đồng ý với quyết định 1892 của UBND tỉnh C, yêu cầu khi có doanh nghiệp mới vào nhận dự án trên phải trao đổi đền bù cho Công ty giá trị hợp lý mà Công ty đã đầu tư trên đất, tuy nhiên UBND tỉnh C không chấp nhận và đưa ra mức giá đền bù cho Công ty giá trị hợp lý mà Công ty đã đầu tư trên đất, tuy nhiên UBND tỉnh C không chấp nhận và đưa ra các căn cứ tính toán gây thiệt hại cho Công ty M cũng như phần tiền vay vốn tại Ngân hàng N tỉnh Sóc Trăng (cũng là tiền vốn Nhà nước). Nay yêu cầu hủy Quyết định 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh C và được bồi thường giá trị tài sản hợp lý.

#### **Người bị kiện - UBND tỉnh C trình bày:**

Công ty M được UBND tỉnh C cho thuê 1.380.218,4m<sup>2</sup> đất tại ấp L, xã T, huyện Đ để thực hiện dự án đầu tư khu nghiên cứu sản xuất giống thủy sản và

nuôi tôm công nghiệp (tại quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 21/5/2007). Từ khi được giao đất, Công ty M đã có nhiều nỗ lực triển khai thực hiện dự án, nhưng không hiệu quả, Công ty M chỉ tổ chức thả nuôi tôm từ năm 2007 đến năm 2012; từ năm 2013 đến cuối năm 2015 đến nay Công ty M không thực hiện nuôi tôm, dự án không còn hoạt động, để đất trống không sử dụng, chỉ để nhân viên trông coi quản lý tài sản, gây bức xúc dư luận.

Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Đoàn thanh tra (theo Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 11/11/2015) để thanh tra tình hình thực hiện dự án nêu trên. Đến ngày 15/4/2016, UBND tỉnh đã ban hành kết luận thanh tra số 01/KL-UBND xác định những hạn chế và sai phạm của nhà đầu tư như: Từ năm 2013 cho đến cuối năm 2015 (thời điểm triển khai thanh tra) Công ty M không thực hiện việc thả nuôi tôm công nghiệp, để đất trống; cho ông Phùng Chí K mượn 10,8 ha đất để sử dụng nuôi tôm; thực hiện dự án đầu tư không đúng theo nội dung dự án đã được duyệt và Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp (dự án đầu tư xây dựng khu nghiên cứu sản xuất giống thủy sản và nuôi tôm công nghiệp, nhưng Công ty M chỉ đầu tư nuôi tôm công nghiệp, không thực hiện đầu tư xây dựng khu nghiên cứu sản xuất giống thủy sản); không thực hiện nộp tiền thuê đất đối với Nhà nước; không lấy đi mẫu nước thải, nước sông đem phân tích, đánh giá để giám sát các chỉ tiêu môi trường và định kỳ báo cáo theo quy định...

Công ty M đã vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, từ năm 2013 đến nay Công ty M không thực hiện nuôi tôm nên thời hiệu xử lý đã hết (theo quy định tại Điểm a, khoản 1, Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012). Do đó, UBND tỉnh không xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty M; đồng thời yêu cầu Công ty M phải thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Căn cứ kết luận thanh tra Công ty M đã chấm dứt việc cho ông Phùng Chí K mượn đất, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh C đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư và Cục thuế tỉnh ban hành quyết định xử lý tiền thuê đất đối với Công ty M, nhưng Công ty cũng không chấp hành và cũng không tiếp tục thực hiện dự án. Từ thực tiễn trên và kiến nghị của Sở, ngành chức năng tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định ngừng hoạt động dự án của Công ty M (tại quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 03/11/2016); đồng thời, yêu cầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành Công ty M phải khắc phục các hạn chế, sai phạm và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định. Quá thời hạn quy định, Công ty M vẫn chưa thực hiện các nội dung theo yêu cầu của UBND tỉnh và cơ quan chức năng tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh đã ban hành Quyết định số 740/QĐ-SKHĐT ngày 19/12/2016 chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. Trong thời gian này, UBND tỉnh cũng đã tạo điều kiện cho Công ty M thỏa thuận liên doanh, liên kết hoặc chuyển nhượng dự án cho các nhà đầu tư khác để tiếp tục triển khai thực hiện dự án, nhưng sau thời gian dài vẫn không đạt được sự thỏa thuận. Từ những cơ sở trên, ngày 02/3/2017 UBND tỉnh C ban hành Quyết định số 33/QĐ-UBND thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty M; Công ty M đồng

tình với việc chấm dứt dự án và thu hồi đất của UBND tỉnh C tại Quyết định nêu trên.

Căn cứ quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh C, các ngành chức năng tỉnh đã triển khai thực hiện các thủ tục thu hồi đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các thủ tục có liên quan theo quy định, trong đó có việc xác định giá trị hoàn trả cho Công ty M. UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng định giá tại Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 để xác định. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn gặp khó khăn, vướng mắc về việc xác định giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất thu hồi, cụ thể như sau:

Kết quả kiểm tra hiện trạng khi thực hiện thu hồi đất, ngoài các công trình xây dựng như: Nhà làm việc, nhà ăn, nhà vệ sinh, hồ nước, hệ thống lưới điện (trụ, dây, trạm biến áp...) còn có hệ thống ao nuôi tôm, bờ bao và đê bao được Công ty M đầu tư, có tổng diện tích là 1.385.000m<sup>2</sup>, gồm:

- Ao nuôi tôm công nghiệp: 134 ao, diện tích 703.091m<sup>2</sup>;
- Ao lắng: 14 ao, diện tích 81.765m<sup>2</sup>;
- Ao thoát, xả nước: 14 ao, diện tích 146.360m<sup>2</sup>;
- Ao cấp nước: 02 ao, diện tích 54.370m<sup>2</sup>;
- Ao xử lý nước: 02 ao, diện tích 44.000m<sup>2</sup>;
- Hệ thống bờ bao, đê bao: diện tích 355.414m<sup>2</sup>.

Xét thấy, việc xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất hay giá trị còn lại sẽ đầu tư vào đất sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tổng chi phí hoàn trả cho nhà đầu tư; cũng như việc giao đất, cho thuê đất đối với nhà đầu tư mới; đặc biệt là hệ thống ao nuôi tôm, bờ bao, đê bao đã được đầu tư từ năm 2003 đến nay không còn phù hợp với thiết kế mô hình sản xuất mới (nuôi thâm canh, siêu thâm canh), Nhà đầu tư mới sẽ không sử dụng hệ thống công trình nêu trên để thực hiện dự án. Do đó, để đảm bảo việc hoàn trả các chi phí hợp lý Công ty M đã đầu tư theo đúng quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh C đã có Công văn số 2918/UBND-NNTN ngày 23/4/2018 kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, hướng dẫn.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính (Công văn số 6628/BTC-QLCS ngày 06/6/2018), của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 4198/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 07/8/2018), Hội đồng định giá đã xác định lại giá trị của tài sản gắn liền với đất đã thu hồi của Công ty M (theo báo cáo số 480/BC-HĐĐG ngày 31/8/2018) và trình UBND tỉnh C phê duyệt tại quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018.

Từ những cơ sở trên, UBND tỉnh C ban hành Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 66 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 2, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; khoản 4, Điều 3 Thông tư số 80/2017/TT-BTC ngày 02/8/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính; cũng như hướng

dẫn của Bộ Tài chính (Công văn số 6628), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 4198). Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N trình bày:**

Ngân hàng không đồng ý về việc xác định giá trị tài sản còn lại của Công ty M, yêu cầu xác định giá trị thực tế còn lại của công trình theo chứng thư thẩm định độc lập. Hiện nay về phía Ngân hàng và Công ty M không có xảy ra tranh chấp về quan hệ tín dụng.

**Tại bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:**

*Căn cứ vào các Điều 3, 30, 32, 115, 116; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;*

*Tuyên xử:*

*1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh C về việc phê duyệt giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất thu hồi của Công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thủy sản M - Sóc Trăng tại ấp L, xã T, huyện Đ và thực hiện lại nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật là xác định lại giá trị còn lại tài sản của Công ty hợp lý.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M và Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh C.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

**Đại diện Công ty cổ phần M và đại diện Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng trình bày:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần M và Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh C.

**Luật sư Nguyễn Mạnh H trình bày:** Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu định giá tài sản của Công ty M, chỉ dựa vào giá của Ủy ban ấn định với giá quá thấp là thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty. Ủy ban cũng tước đoạt quyền chuyển nhượng dự án của Công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng sửa bản án sơ thẩm, Hủy Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh C.

**Ông Lê Văn S trình bày:** UBND tỉnh C đã tạo điều kiện cho công ty M hoạt động kinh doanh cũng như khi trao lại dự án và ra các quyết định đúng quy

định của pháp luật. Khi UBND tiến hành thanh tra đối với dự án này vào năm 2016; khi định giá các hạng mục công trình thì UBND tỉnh C áp dụng đúng quy định của pháp luật để tính giá trị tài sản còn lại của Công ty M theo giá thị trường các tài sản, giá trị ngày công tạo lập lên dự án để quy định bằng số tiền 814.232.796 đồng là cũng đảm bảo quyền lợi của Công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M và Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng sửa bản án sơ thẩm. Hủy Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh C.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, của Luật sư và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí của đương sự kháng cáo đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt nhưng các đương sự này đã có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia phiên tòa hoặc được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M (sau đây gọi tắt là Công ty M) được sự thống nhất của UBND tỉnh C cho thuê phần đất: Diện tích là 1.380.218,4m<sup>2</sup> đất. Toạ lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ để quản lý, sử dụng vào mục đích: Sản xuất giống và nuôi tôm công nghiệp. Thời hạn thuê đất là 35 năm, kể từ ngày 21/05/2007 đến ngày 21/05/2042. Công ty đã triển khai đầu tư nuôi trồng thủy sản tại khu vực trên với tổng số tiền đầu tư vào năm 2007 khoảng trên 62 tỷ đồng (trong đó có vay vốn Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng 15 tỷ đồng tiền gốc).

Sau khi đầu tư nuôi tôm kỹ thuật cao đến năm 2013 thì Công ty M không còn khả năng tài chính để tiếp tục nuôi tôm do tình hình dịch bệnh, giá tôm bấp bênh, giá thức ăn tăng cao...dẫn đến tình trạng công ty M thua lỗ trầm trọng, không còn khả năng duy trì dự án nuôi tôm. Vì vậy, dẫn đến việc các Sở ngành cũng như UBND tỉnh ra quyết định thu hồi dự án trên và giao cho Công ty khác.

Sau nhiều cuộc họp bàn bạc, Công ty M yêu cầu được đền bù phần tài sản đã được đầu tư trên đất thì cuối cùng Bộ Tài chính gửi Công văn số 6628/BTC-QLCS về việc xử lý giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi và Bộ Tài nguyên – Môi trường cũng ra Công văn số 4198/BTNMT-TCQLDD trong đó nêu rõ: Theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 3 Thông tư số 80/2017/TT-BTC ngày 02/8/2017 của Bộ Tài chính thì giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được hoàn trả cho chủ sở hữu tài sản bao gồm giá trị còn lại của nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, cây trồng, vật nuôi đã tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật mà không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước được xác định tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất. Do đó, ao nuôi tôm, bờ bao, đê bao mà Công ty M đã đầu tư để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nghiên cứu sản xuất giống thủy sản được xác định là công trình xây dựng để thực hiện hoàn trả phải căn cứ vào dự án đầu tư đã được duyệt hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy phép xây dựng của cấp có thẩm quyền hoặc quy định cụ thể tại địa phương. Ngay sau đó, UBND tỉnh C đã ra quyết định 1892/QĐ-UBND, nội dung: Phê duyệt giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất thu hồi của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M - Sóc Trăng, tại ấp L, xã T, huyện Đ là 814.232.796 đồng.

[2.2] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M và Ngân hàng N:

[2.2.1] Việc áp dụng thời hạn khấu hao tài sản: Tại Báo cáo số 480/BC-HĐĐG (BL 100), Hội đồng định giá xác định thời hạn tính khấu hao đối với công trình xây dựng ao nuôi tôm và đê bao là 10 năm theo dự án đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 822/QĐ-CTUB ngày 07/11/2002. Tuy nhiên, tại Quyết định số 822/QĐ-CTUB ngày 07/11/2002 của UBND tỉnh C (BL 141) không có nội dung nào quy định về thời hạn khấu hao đối với hạng mục công trình xây dựng ao nuôi tôm và đê bao.

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, đã được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 thì công trình xây dựng ao nuôi tôm và đê bao được phân loại là Loại 7: Các loại tài sản khác (là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào 6 loại tài sản cố định hữu hình đã nêu của điểm a khoản 1 Điều 6. Tại Phụ lục 1 – Khung thời gian trích khấu hao các loại tài sản cố định, ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính quy định các loại tài sản cố định hữu hình khác có thời gian trích khấu hao tối thiểu là 04 năm, tối đa là 25 năm.

Nếu áp dụng khung thời gian khấu hao tối đa 25 năm theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính thì thời gian khấu hao công trình xây dựng ao nuôi tôm và đê bao của Công ty M còn lại là hơn 15 năm và tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản trên 60%. Việc Hội đồng định giá xác định thời gian tính khấu hao đối với công trình xây dựng ao nuôi tôm và hệ thống đê bao là 10 năm, làm giảm giá trị tài sản còn lại của Công ty M.



Hơn nữa, theo Công ty M trình bày thì khi thực hiện dự án này, Công ty M vừa sản xuất vừa liên tục đầu tư làm mới, mua sắm mới bổ sung vào cơ sở kinh doanh, vừa duy tu hàng năm để đảm bảo hồ nuôi phải như đầu tư ban đầu mới đảm bảo nuôi sống tôm được. Như vậy, việc tính khấu hao như Báo cáo số 480/BC-HĐĐG nêu trên để bồi thường cho Công ty M là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2.2] Việc xác định khối lượng công trình xây dựng:

Báo cáo số 480/BC-HĐĐG (BL 101), Hội đồng định giá xác định công trình xây dựng ao nuôi tôm và đê bao của Công ty M như sau:

Theo Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 12/02/2018, tổng diện tích là 1.385.000m<sup>2</sup>, trong đó:

- Ao nuôi tôm công nghiệp: 134 ao, diện tích 703.091m<sup>2</sup>;
- Ao lắng: 14 ao, diện tích 81.765m<sup>2</sup>;
- Ao thoát, xả nước: 14 ao, diện tích 146.360m<sup>2</sup>;
- Ao cấp nước: 02 ao, diện tích 54.370m<sup>2</sup>;
- Ao xử lý nước: 02 ao, diện tích 44.000m<sup>2</sup>;
- Hệ thống đê bao: với tổng diện tích 355.414m<sup>2</sup>.

Tại khoản 5.2 Mục 5 Phần II của Hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 451/QĐ-BXD ngày 23/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định Hướng dẫn về đo bóc công tác xây dựng cụ thể:

*“5.2. Công tác đào, đắp*

*- Khối lượng đào phải được đo bóc theo nhóm, loại công tác, loại bùn, cấp đất, đá, độ đào sâu, bề rộng của hố đào, điều kiện thi công, biện pháp thi công (thủ công hay cơ giới).*

*- Khối lượng đắp phải được đo bóc theo nhóm, loại công tác, theo loại vật liệu đắp (đất sét, bùn...), cấp đất, đá, độ dày của lớp vật liệu đắp, độ chặt yêu cầu khi đắp, điều kiện thi công, biện pháp thi công (thủ công hay cơ giới).*

*- Khối lượng công tác đào, đắp được tính theo kích thước trong bản vẽ thiết kế, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu, không tính thêm độ nở rori, co ngót hoặc hao hụt.*

*- Trường hợp đào đất để đắp thì khối lượng đất đào bằng khối lượng đất đắp nhân với hệ số chuyển đổi từ đất đào sang đất đắp. Trường hợp mua đất rori thì khối lượng đất rori dùng để đắp được xác định căn cứ vào khối lượng đất đo tại nơi đắp nhân với hệ số tơi xốp của đất (bằng khối lượng thể tích khô của đất theo yêu cầu thiết kế chia cho khối lượng thể tích khô xốp ngoài hiện trường)”.*

Theo Hướng dẫn nêu trên, khi xác định khối lượng công tác đào ao thì phải đo độ sâu và bề rộng của ao và xác định khối lượng công tác đắp đê thì phải tính đến độ dày của lớp vật liệu đắp, độ chặt yêu cầu khi đắp, từ đó tính ra khối lượng đào, đắp theo mét khối (m<sup>3</sup>).

Tuy nhiên, Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 12/02/2018 của Hội đồng định giá (BL 111) không có nội dung nào thể hiện là Hội đồng định giá có khảo sát độ sâu các ao nuôi tôm cũng như tiết diện (mặt cắt) của các bờ bao, đề bao là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.2.3] Việc xác định đơn giá xây dựng công trình:

Tại Báo cáo số 480/BC-HĐĐG (BL 100), Hội đồng định giá cho rằng:

*“Tại thời điểm thu hồi đất (năm 2017) trên địa bàn tỉnh C chưa có ban hành đơn giá xây dựng mới đối với công trình xây dựng ao nuôi tôm. Qua khảo sát tại vị trí đất thu hồi, thời điểm năm 2017 đơn giá xây dựng mới đối với xây dựng hoàn thiện ao nuôi tôm công nghiệp (đào đắp) dao động từ 10.000 – 12.000 đồng/m<sup>3</sup> (trung bình 11.000 đồng/m<sup>3</sup>) theo Biên bản khảo sát ngày 28/8/2018”.*

Trong khi, đối với hạng mục công trình làm việc, nhà ăn, nhà vệ sinh, hồ nước thì Hội đồng định giá áp dụng đơn giá theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND tỉnh C ban hành Quy định đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh C để xác định giá trị còn lại của hạng mục công trình này, còn đối với hạng mục đào đắp đất xây dựng ao nuôi tôm thì Hội đồng định giá không áp dụng đơn giá theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013.

Tại mục VIII (công tác đào, đắp đất) của Bảng 3: Đơn giá tổng hợp một số cấu kiện, công tác xây dựng phổ biến, ban hành kèm theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND tỉnh C có quy định đơn giá (mã hiệu Đ-02) : - Đào đắp đất bằng máy: 14.000 đồng/m<sup>3</sup>.

Bên cạnh đó, trong Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh C ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-SXD ngày 31/3/2017 của Sở Xây dựng tỉnh C, tại Trang 139 của Đơn giá xây dựng công trình có quy định giá nhân công và ca máy đối với việc đào kênh mương bằng máy và tại Trang 203 có quy định giá nhân công và ca máy đối với việc đắp đê, kênh mương (đơn vị tính 100m<sup>3</sup>).

Như vậy, việc Hội đồng định giá khảo sát đơn giá trong trường hợp đã có đơn giá như trên là không phù hợp và làm giảm giá trị xây dựng công trình ao nuôi tôm và đề bao của Công ty M so với thực tế.

[2.2.4] Việc sử dụng giá trị thi công trong Hồ sơ quyết toán của Công ty M để xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất:

Theo quy định tại khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 80/2017/TT-BTC ngày 02/8/2017, việc xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất để hoàn trả cho chủ sở hữu tài sản được thực hiện tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất, giá trị còn lại của nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng khác gắn liền với đất (sau đây gọi là công trình xây dựng gắn liền với đất) được xác định theo công thức sau: “Giá trị còn lại của công trình xây dựng gắn liền với

*đất = tỷ lệ % chất lượng còn lại của công trình xây dựng gắn liền với đất x giá xây dựng mới của công trình xây dựng gắn liền với đất”.*

Tuy nhiên, tại Báo cáo số 480/BC-HĐĐG (BL 101), Hội đồng định giá sử dụng giá trị xây dựng ao nuôi tôm và đê bao trong Hồ sơ quyết toán năm 2017 của Công ty M để tính giá trị còn lại của công trình xây dựng gắn liền với đất tại thời điểm năm 2017 là không phù hợp với quy định trên đây.

Như vậy, việc xác định giá trị tài sản còn lại của Công ty M tại Báo cáo số 480/BC-HĐĐG ngày 31/8/2018 của Hội đồng định giá kèm theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh C là không phù hợp với quy định của pháp luật và gây thiệt hại cho Công ty M.

[2.2.5] Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh C cũng xác định thời điểm UBND tiến hành thanh tra đối với dự án này vào năm 2016. Khi định giá các hạng mục công trình thì UBND tỉnh C áp dụng đúng quy định của pháp luật để định giá giá trị tài sản còn lại của Công ty M theo giá thị trường; các phần giá trị nhân công thì UBND tỉnh C căn cứ theo khảo sát ngày công thực tế ở địa phương để tính giá trị chi phí nhân công đã đầu tư tạo lập lên dự án. Như vậy, việc tính giá trị chi phí nhân công như phía Ủy ban nhân dân tỉnh C nêu là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty M.

[2.2.6] Mặt khác, theo hồ sơ thể hiện thì thời điểm kết luận của Thanh tra tỉnh C vào 04/2016 xác định Công ty M sử dụng đất không hiệu quả. Lẽ ra, UBND tỉnh C phải gia hạn cho Công ty M 24 tháng mà Công ty M không khắc phục thì mới ban hành quyết định thu hồi đất. Tuy nhiên, việc UBND tỉnh C ra quyết định thu hồi đất của Công ty M trước thời hạn này 13 tháng là không phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc UBND tỉnh C ban hành Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 về việc phê duyệt giá trị tài sản còn lại gắn liền với đất thu hồi của Công ty M là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M và Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng sửa bản án sơ thẩm. Hủy Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh C.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do Quyết định số 1892 bị hủy nên UBND tỉnh C phải chịu 300.000 đồng.

Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M không phải chịu.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M và Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu VP ; hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Huynh**

ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M và Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M.

**Xử:**

1. Hủy Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc phê duyệt giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất thu hồi của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M - Sóc Trăng tại ấp L, xã T, huyện Đ. UBND tỉnh C có nhiệm vụ thực hiện lại nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật đối với việc xác định lại giá trị còn lại tài sản của Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân tỉnh C phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo lai thu số 00233 ngày 23/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M và Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng không phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản M số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo lai thu số 00323 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo lai thu số 00324 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.